

Bản án số: 73/2024/DS-PT

Ngày: 23-01-2024

V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phận

Bà Phạm Thị Thu Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:** Bà Lê Thị Ngọc Phấn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 410/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng xây dựng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 109/2023/DS – ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4332/2023/QĐPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Minh C, sinh năm 1989.

Địa chỉ: số nhà C, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Bà Huỳnh Thị Thanh H, sinh năm 1983 (có mặt);

- Ông Trịnh Quốc A, sinh năm 1984 (có mặt).

Cùng địa chỉ: số nhà B N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1974;

Địa chỉ: số nhà A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2.2. Bà Lý Ngô Ngọc T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: số nhà A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 2000. Địa chỉ: số nhà E N, Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Minh T1 của Công ty L1 VÀ HN thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. Địa chỉ: P, tầng A, 5 N, Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người kháng cáo: bị đơn ông Nguyễn Thành V, bà Lý Ngô Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Minh C trình bày:

Do quen biết nên vào năm 2020 ông nhận lời xây dựng nhà cho vợ chồng ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T trên phần đất của ông bà tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi xây dựng nhà xong, ông V và bà T còn nợ ông số tiền 10.756.000.000 đồng. Ngày 18/5/2022, ông V có làm biên nhận nợ và hứa ngày 18/8/2022 sẽ trả tiền cho ông nhưng ông V, bà T chỉ trả 3.000.000.000 đồng, còn nợ lại 7.756.000.000 đồng.

Ông V và bà T đã vi phạm nghĩa vụ nên ông yêu cầu ông bà phải liên đới trả cho ông số tiền 7.756.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 18/8/2022 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Thành V trình bày:

Ông có ký tên vào biên nhận nợ ngày 18/5/2022. Trong biên nhận nợ ghi ông nợ ông Phan Minh C 10.756.000.000 đồng tiền xây nhà là không đúng vì khi xây nhà ông đã thanh toán cho ông C đầy đủ, không còn nợ. Thực tế đây là tiền ông vay của ông C để cho vay lại hưởng chênh lệch lãi suất, tiền lời ông sử dụng chi xài cá nhân, vợ ông là bà Lý Ngô Ngọc T hoàn toàn không biết. Ông thừa nhận hiện ông còn nợ ông C số tiền vay 7.756.000.000 đồng, ông sẽ bán tài sản để trả nợ cho ông C và xin không trả lãi vì hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn. Số tiền vay trên là khoản nợ của riêng ông, không liên quan đến bà T do ông bà đã ly hôn vào tháng 01 năm 2023.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Lý Ngô Ngọc T trình bày:

Qua trao đổi với ông V thì bà được biết ông vay tiền của C để cho vay lại hưởng chênh lệch lãi suất, toàn bộ lợi nhuận thu được ông chi tiêu cho cá nhân. Đối với việc xây nhà tại xã T, huyện M, bà đã chi tiền để ông V thanh toán cho thầu xây

dựng, hoàn toàn không nợ tiền. Bà và ông V mỗi người làm công việc riêng nên ít quan tâm đến công việc của nhau và hiện ông bà đã ly hôn theo quyết định của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre. Bà không biết việc ông V vay tiền của ông C, ông cũng không sử dụng tiền này phụ giúp bà lo kinh tế gia đình. Do đó, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông C buộc bà có trách nhiệm liên đới cùng ông V trả nợ. Tuy nhiên, bà đồng ý bán tài sản là nhà đất tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre để trả nợ cho ông C.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 109/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh C đối với ông Nguyễn Thành V, bà Lý Ngô Ngọc T.

Buộc ông Nguyễn Thành V, bà Lý Ngô Ngọc T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phan Minh C số tiền 8.554.247.520 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 7.756.000.000 đồng, tiền lãi là 798.247.520 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/9/2023 và ngày 21/9/2023, bị đơn ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà, thu thập chứng cứ là sao kê các giao dịch tại tài khoản ngân hàng của bị đơn để làm rõ việc bị đơn đã thanh toán tiền xây dựng nhà cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: về tố tụng, Toà án cấp sơ thẩm có thu thập chứng cứ là xác minh nơi cư trú của bị đơn nhưng Viện kiểm sát không tham gia phiên toà sơ thẩm là vi phạm tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch xây dựng nhà ở nhưng bị đơn đã thanh toán xong thông qua hình thức chuyển khoản, để làm rõ vấn đề này đề nghị Hội đồng xét xử thu thập chứng cứ là sao kê các giao dịch từ tài khoản của ông V tại Ngân hàng TMCP Á, Ngân hàng TMCP N từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2022 với nội dung chuyển tiền xây dựng nhà. Nguyên đơn cho rằng khoản tiền tranh chấp là tiền nợ xây nhà nhưng không cung cấp được các tài liệu thể hiện việc quyết toán giữa hai bên, chi phí xây dựng nhưng lại phỏng đoán tiền xây dựng là 15-18 tỷ đồng. Như vậy, nguyên đơn biết tổng chi phí thông qua việc đã được bị đơn chuyển khoản toàn bộ tiền xây

dựng và phù hợp với số tiền bị đơn đã chuyển hơn 20 tỷ đồng. Số tiền tại biên nhận nợ ngày 18/5/2022 hoàn toàn không phải tiền nợ xây dựng mà là tiền vay của cá nhân ông V. Bà T và ông V đã ly hôn từ ngày 18/01/2023, tuy số tiền nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nhưng ông V đã xác định đây là tiền vay của cá nhân ông, đồng thời bà T không biết này thể hiện bà không ký tên vào biên nhận nợ. Ông V không sử dụng khoản tiền này phục vụ nhu cầu sinh hoạt của gia đình, cũng không sử dụng để phát triển kinh tế chung và ông xác định tự chịu trách nhiệm thanh toán cho ông C. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, sửa bản án sơ thẩm, không buộc bà T có nghĩa vụ liên đới cùng ông V trả nợ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: bị đơn có yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để thu thập sao kê các giao dịch chuyển tiền của ông V cho nguyên đơn tại ngân hàng, xét thấy suốt quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm cũng như trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bị đơn không yêu cầu vấn đề này, đồng thời việc thu thập thông tin các giao dịch từ tài khoản của ông V thì ông hoàn toàn có thể liên hệ với ngân hàng để được cung cấp nên yêu cầu này không có cơ sở xem xét. Các bên đều thừa nhận có xác lập hợp đồng xây dựng nhà, biên nhận nợ ngày 18/5/2022 thể hiện tiền nợ là tiền xây dựng nhà, bị đơn không cung cấp được chứng cứ đã trả xong tiền cho nguyên đơn; đồng thời việc xây dựng nhà diễn ra trong thời kỳ hôn nhân nên có căn cứ xác định đây là nợ chung của bà T và ông V. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn có yêu cầu Tòa án thu thập sao kê các giao dịch phát sinh qua tài khoản ngân hàng của ông V từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2022 vì cho rằng bị đơn không tự mình thu thập được. Căn cứ các điều 91, 96 Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình và ông V là chủ tài khoản hoàn toàn có thể liên hệ với ngân hàng để được cung cấp các tài liệu này. Đồng thời, phía bị đơn cho rằng, tại cấp sơ thẩm Tòa

án có xác minh địa chỉ cư trú của bị đơn tại Công an xã B nhưng Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa là vi phạm tố tụng, tuy nhiên việc Tòa án xác minh nơi cư trú để làm căn cứ thụ lý vụ án, không phải thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án nên không thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa. Do đó, các yêu cầu của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[2] Ông Phan Minh C căn cứ “Biên nhận nợ” ngày 18/5/2022 cho rằng ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T còn nợ ông số tiền 10.756.000.000 đồng từ việc xây nhà cho vợ chồng ông V, ông bà trả được 3.000.000.000 đồng thì ngừng thanh toán nên ông C yêu cầu ông V và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền còn lại là 7.756.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 18/8/2022 đến khi xét xử vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Ông V và bà T thừa nhận ông bà có thuê ông C xây dựng nhà tại xã T, huyện M nhưng đã thanh toán xong. Số tiền tại “Biên nhận nợ” ngày 18/5/2022 là tiền nợ ông V vay của ông C nhằm cho vay lại để thu lãi chênh lệch, lợi nhuận thu được sử dụng cho cá nhân ông V. Ông V đồng ý trả số tiền này cho ông C nhưng yêu cầu không trả lãi do hoàn cảnh khó khăn; bà T không biết, không liên quan việc vay tiền, đồng thời ông bà đã ly hôn nên không đồng ý cùng ông V có trách nhiệm liên đới trả nợ.

[3] Ông V thừa nhận ông có viết và ký tên tại “Biên nhận nợ” ngày 18/5/2022 có nội dung: *“Tôi tên: Nguyễn Thành V,... Tôi có nợ ông Phan Minh C, sinh năm 1989, địa chỉ: C, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre số tiền: 10.756.000.000 đ (Mười tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu đồng). Số tiền này tôi nợ ông C từ việc ông C xây dựng nhà cho tôi tại T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Thời gian trả vào ngày 18-8-2022. Bến Tre, ngày 18 tháng 5 năm 2022. Người viết Nguyễn Thành V. Tôi có đọc kỹ và đồng ý”* nhưng cho rằng đây là tiền nợ vay. Tuy nhiên, ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh khoản nợ này phát sinh từ giao dịch vay giữa ông và ông C; ông cũng không chứng minh được ông bị đe dọa, ép buộc viết, ký tên vào “Biên nhận nợ”. Mặt khác, ông V và bà T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện ông bà đã thanh toán xong tiền thuê ông C xây dựng nhà ở tại xã T, huyện M như lời trình bày của ông bà.

Vì vậy, có căn cứ xác định số tiền 7.756.000.000 đồng ông C yêu cầu là khoản nợ phát sinh từ việc ông xây nhà cho ông V, bà T tại xã T và “Biên nhận nợ” cũng là hình thức của việc quyết toán tiền xây dựng nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng xây dựng là phù hợp, bị đơn yêu cầu xác định lại quan hệ tranh chấp là không có căn cứ.

[3] Ông V và bà T đăng ký kết hôn vào năm 2014, ly hôn vào năm 2023 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre. Ông bà thừa nhận ông C có xây dựng nhà ở cho ông bà tại xã T, huyện M vào năm 2020. Đồng thời, “Biên nhận nợ” do ông V viết vào ngày 18/5/2022 khi hôn nhân của ông bà còn tồn tại. Như vậy, khoản nợ 7.756.000.000 đồng phát sinh từ việc xây dựng nhà của vợ chồng ông V trong thời kỳ hôn nhân nên có căn cứ xác định đây là nợ chung của ông V và bà T theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ngoài ra, tại “Biên nhận nợ” xác định thời điểm trả nợ là ngày 18/8/2022 nhưng ông V, bà T chưa trả xong tiền cho ông C là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, căn cứ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự yêu cầu tính lãi chậm trả của ông C là có cơ sở chấp nhận.

Như đã nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông V và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông C số tiền 8.554.247.520 đồng (gồm 7.756.000.000 đồng nợ gốc và 798.247.520 đồng tiền lãi) là phù hợp, kháng cáo của ông V và bà T không có chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[4] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Kháng cáo không được chấp nhận nên ông V, bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thành V, bà Lý Ngô Ngọc T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 109/2023/DS – ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 385 Bộ luật Dân sự; các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh C đối với ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T.

Buộc ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Minh C số tiền 8.554.247.520 đồng (tám tỷ năm trăm năm mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi đồng), trong đó tiền nợ gốc là 7.756.000.000 đồng (bảy tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu đồng), tiền lãi là 798.247.520 đồng (bảy trăm chín mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T phải liên đới nộp 116.554.247 đồng (một trăm mười sáu triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng).

Hoàn trả lại cho ông Phan Minh C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.158.000 đồng (năm mươi tám triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu 0002992 ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lai thu số 0007296, 0007297 cùng ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi Cục THADS thành phố Bến Tre;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Huỳnh Ngọc Dũng